

Số: 961/QĐ-ĐHBL

Cà Mau, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hưởng chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí học kỳ I, năm học 2025 – 2026 cho sinh viên sư phạm theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP, ngày 25/09/2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-TTg ban hành ngày 24/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Bạc Liêu;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 31/12/2019 về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm;

Căn cứ Nghị định 60/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định 691/QĐ-ĐHBL ngày 15/9/2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Bạc Liêu về việc quy định mức thu học phí trình độ đại học, cao đẳng chính quy năm học 2025-2026;

Căn cứ công văn số 010366/UBND-KGVX ngày 27/12/2025 v/v kinh phí hỗ trợ sinh viên sư phạm theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP và Nghị định 60/2025/NĐ-CP

Căn cứ thông báo số 404/TB-STC ngày 21/8/2025 về việc giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025 cho Trường Đại học Bạc Liêu tỉnh Cà Mau sau sắp xếp.

Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch và Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí học kỳ I, năm học 2025 – 2026 cho sinh viên sư phạm khoá 19 theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 như sau:

- Hỗ trợ tiền đóng học phí cho 113 sinh viên (theo danh sách đính kèm).

- Tổng số tiền: **800.900.000 đồng**

(Số tiền bằng chữ: tám trăm triệu chín trăm nghìn đồng).

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí NSNN cấp - Kinh phí không thực hiện tự chủ.

Điều 3. Trường các đơn vị thuộc trường, các tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG *nhf*



[Handwritten signature]

Phan Văn Đàn

**DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN ĐÓNG HỌC PHÍ
THEO NGHỊ ĐỊNH 116/2020/NĐ-CP, NGÀY 25/09/2020**

HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 961 /QĐ-ĐHBL, ngày 06 tháng 12 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu)

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Lớp	Học phí HK I, NH 2025-2026	Ghi chú
1	Huỳnh Thị Yến Băng	19CM	6.300.000	
2	Lâm Thị Tường Duy	19CM	6.300.000	
3	Trần Thị Bích Duyên	19CM	6.300.000	
4	Lư Ái Huệ	19CM	6.300.000	
5	Võ Thúy Huỳnh	19CM	6.300.000	
6	Thạch Thị Cẩm Loan	19CM	6.300.000	
7	Ngô Tuyết Minh	19CM	6.300.000	
8	Ngô Thị Thảo My	19CM	6.300.000	
9	Huỳnh Thị Thúy Nga	19CM	6.300.000	
10	Nguyễn Khánh Ngọc	19CM	6.300.000	
11	Võ Ngọc Anh Nhi	19CM	6.300.000	
12	Lê Nguyễn Tú Như	19CM	6.300.000	
13	Trần Thị Bích Như	19CM	6.300.000	
14	Trần Trúc Quỳnh	19CM	6.300.000	
15	Thạch Thị Siêu	19CM	6.300.000	
16	Bùi Kim Thảo	19CM	6.300.000	
17	Đỗ Thị Hiền Thảo	19CM	6.300.000	
18	Lê Bảo Trâm	19CM	6.300.000	
19	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	19CM	6.300.000	
20	Nguyễn Ngọc Tuyết Trinh	19CM	6.300.000	
21	Phạm Thị Lệ Trinh	19CM	6.300.000	
22	Lê Thủy Ngân Tuyên	19CM	6.300.000	
23	Trịnh Thị Ngọc Vàng	19CM	6.300.000	
24	Phạm Thanh Vy	19CM	6.300.000	
25	Nguyễn Duy An	19DGDTH1	7.300.000	
26	Võ Khánh Băng	19DGDTH1	7.300.000	
27	Trần Gia Bảo	19DGDTH1	7.300.000	
28	Trương Nhật Dĩ	19DGDTH1	7.300.000	



STT	Họ và tên	Lớp	Học phí HK I, NH 2025-2026	Ghi chú
29	Võ Khánh Đăng	19DGDTH1	7.300.000	
30	Huỳnh Anh Đức	19DGDTH1	7.300.000	
31	Châu Mỹ Hân	19DGDTH1	7.300.000	
32	Võ Thị Mỹ Hằng	19DGDTH1	7.300.000	
33	Hồng Nguyễn Thiên Hương	19DGDTH1	7.300.000	
34	Trương Văn Khiêm	19DGDTH1	7.300.000	
35	Đoàn Thuyên Kim	19DGDTH1	7.300.000	
36	Trương Thị Xuân Mai	19DGDTH1	7.300.000	
37	Dương Thị Diễm My	19DGDTH1	7.300.000	
38	Trương Hoài Năng	19DGDTH1	7.300.000	
39	Trịnh Thị Kim Ngân	19DGDTH1	7.300.000	
40	Lương Bảo Nhi	19DGDTH1	7.300.000	
41	Dương Thị Huỳnh Như	19DGDTH1	7.300.000	
42	Trần Nguyễn Quốc Nhật	19DGDTH1	7.300.000	
43	Giảng Hồng Phúc	19DGDTH1	7.300.000	
44	Trần Thanh Quy	19DGDTH1	7.300.000	
45	Mã Phương Quỳnh	19DGDTH1	7.300.000	
46	Thiều Chí Tài	19DGDTH1	7.300.000	
47	Dương Thị Anh Thư	19DGDTH1	7.300.000	
48	Thạch Thị Hồng Thư	19DGDTH1	7.300.000	
49	Nguyễn Thị Lam Tuyền	19DGDTH1	7.300.000	
50	Nguyễn Thị Ái Vi	19DGDTH1	7.300.000	
51	Nguyễn Thị Thúy Vy	19DGDTH1	7.300.000	
52	Phạm Ngọc Xuân	19DGDTH1	7.300.000	
53	Nguyễn Phương Thế Bảo	19DGDTH2	7.300.000	
54	Danh Lý Minh Châu	19DGDTH2	7.300.000	
55	Đỗ Ánh Dương	19DGDTH2	7.300.000	
56	Huỳnh Xuân Đào	19DGDTH2	7.300.000	
57	Ngô Quốc Hào	19DGDTH2	7.300.000	
58	Trần Kim Hằng	19DGDTH2	7.300.000	
59	Huỳnh Anh Khôi	19DGDTH2	7.300.000	
60	Lý Hiền Long	19DGDTH2	7.300.000	
61	Hồ Thị Hồng Mai	19DGDTH2	7.300.000	
62	Trần Hoài My	19DGDTH2	7.300.000	
63	Tăng Phi Nê	19DGDTH2	7.300.000	
64	Thạch Thị Sô Pha Ni	19DGDTH2	7.300.000	

DẤU
TRƯỞNG
HỌC
LIÊN

STT	Họ và tên	Lớp	Học phí HK I, NH 2025-2026	Ghi chú
65	Mai Hồng Ngự	19DGDTH2	7.300.000	
66	Tăng Minh Nhật	19DGDTH2	7.300.000	
67	Trịnh Thị Yến Nhi	19DGDTH2	7.300.000	
68	Trương Thị Bích Như	19DGDTH2	7.300.000	
69	Sơn Thị Kiều Oanh	19DGDTH2	7.300.000	
70	Trương Tấn Phát	19DGDTH2	7.300.000	
71	Trương Đình Phúc	19DGDTH2	7.300.000	
72	Cao Quyên	19DGDTH2	7.300.000	
73	Nguyễn Bảo Toàn	19DGDTH2	7.300.000	
74	Huỳnh Thị Ánh Tuyết	19DGDTH2	7.300.000	
75	Lê Mai Thi	19DGDTH2	7.300.000	
76	Nguyễn Anh Thư	19DGDTH2	7.300.000	
77	Trần Anh Thư	19DGDTH2	7.300.000	
78	Kim Mã Thùy Trang	19DGDTH2	7.300.000	
79	Lưu Thị Ngọc Trinh	19DGDTH2	7.300.000	
80	Dương Ngọc Thảo Vy	19DGDTH2	7.300.000	
81	Nguyễn Tường Vy	19DGDTH2	7.300.000	
82	Phạm Thị Như Ý	19DGDTH2	7.300.000	
83	Võ Thị Khả Ái	19DGDTH3	7.300.000	
84	Hồ Thị Khánh Băng	19DGDTH3	7.300.000	
85	Thạch Thị Mỹ Diễm	19DGDTH3	7.300.000	
86	Thạch Thị Sa Vone Đa	19DGDTH3	7.300.000	
87	Phạm Bình Đăng	19DGDTH3	7.300.000	
88	Ung Thị Hồng Gấm	19DGDTH3	7.300.000	
89	Triệu Kim Huyền	19DGDTH3	7.300.000	
90	Nguyễn Huỳnh Khang	19DGDTH3	7.300.000	
91	Phan Chân Khương	19DGDTH3	7.300.000	
92	Huỳnh Yến Mai	19DGDTH3	7.300.000	
93	Trần Văn Mến	19DGDTH3	7.300.000	
94	Trần Thị Diễm Mơ	19DGDTH3	7.300.000	
95	Nguyễn Thị Thu Ngân	19DGDTH3	7.300.000	
96	Đỗ Kim Ngọc	19DGDTH3	7.300.000	
97	Nguyễn Trung Nguyên	19DGDTH3	7.300.000	
98	Thạch Thị Mỹ Nhiên	19DGDTH3	7.300.000	
99	Liêu Thị Đa Ni	19DGDTH3	7.300.000	
100	Võ Văn Non	19DGDTH3	7.300.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Học phí HK I, NH 2025-2026	Ghi chú
101	Trương Nhã Phương	19DGDTH3	7.300.000	
102	Quách Văn Phú	19DGDTH3	7.300.000	
103	Nguyễn Thị Đỗ Quyên	19DGDTH3	7.300.000	
104	Nguyễn Thị Anh Thư	19DGDTH2	7.300.000	
105	Trần Thị Minh Thư	19DGDTH2	7.300.000	
106	Lâm Thị Ngọc Thơm	19DGDTH2	7.300.000	
107	Hà Bảo Trân	19DGDTH2	7.300.000	
108	Nguyễn Thị Huyền Trân	19DGDTH2	7.300.000	
109	Nguyễn Huỳnh Minh Trọng	19DGDTH2	7.300.000	
110	Nguyễn Hoàng Vẹn	19DGDTH2	7.300.000	
111	Huỳnh Thị Ngọc Vy	19DGDTH2	7.300.000	
112	Phan Khả Vy	19DGDTH2	7.300.000	
113	Trần Thị Như Ý	17DGDTH3	7.300.000	
	TỔNG CỘNG:		800.900.000	

Danh sách này gồm có 113 sinh viên, trong đó:

- 24 sinh viên Cao đẳng Mầm non (19CM)

- 89 sinh viên Đại học sư phạm

Số tiền bằng chữ: Tám trăm triệu chín trăm nghìn đồng.